

DOI: 10.58490/ctump.2025i86.3379

**KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH SỬ DỤNG KHÁNG SINH CỦA SINH VIÊN
NGÀNH DƯỢC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH NĂM 2024***Nguyễn Thị Ngọc Huyền^{*}, Lê Công Quý Nhân, Đặng Thị Cẩm Tiên, Lê Anh Thu,
Cao Hoàng Liên Anh, Nguyễn Ngọc Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Trâm**Trường Đại học Trà Vinh***Email: ntnhuyen@tvu.edu.vn**Ngày nhận bài: 20/02/2025**Ngày phản biện: 03/4/2025**Ngày duyệt đăng: 25/4/2025***TÓM TẮT**

Đặt vấn đề: Trên thế giới, các nghiên cứu đánh giá kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Dược đã chỉ ra những mặt hạn chế quan trọng về kiến thức của sinh viên dược cần được cải thiện. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1. Khảo sát kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên ngành Dược tại Trường Đại học Trà Vinh. 2. Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Tiến hành mô tả cắt ngang, sử dụng bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến được soạn sẵn trên Google form để khảo sát 365 sinh viên ngành Dược tại Trường Đại học Trà Vinh. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về kháng sinh là 50,1%. Trong đó, sinh viên năm 5 có kiến thức tốt hơn so với các sinh viên từ năm 1 đến năm 4. Tổng cộng có 137 sinh viên (tỷ lệ 37,5%) thực hành tốt sử dụng kháng sinh. Các yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên gồm số năm học dược của sinh viên, có/không thường sử dụng BHYT, có/không điều trị bệnh mãn tính. Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành ($OR = 2,39$; $KTC95\%: 1,54-3,70$; $p < 0,001$). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh tốt còn tương đối thấp, cần phải chú trọng về đào tạo kiến thức và thực hành kháng sinh cho sinh viên Dược.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, kháng sinh, sử dụng kháng sinh, sinh viên Dược.

ABSTRACT**KNOWLEDGE AND PRACTICE OF USING ANTIBIOTICS OF
PHARMACY STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY IN 2024***Nguyen Thi Ngoc Huyen^{*}, Le Cong Quy Nhan, Dang Thi Cam Tien, Le Anh Thu,
Cao Hoang Lien Anh, Nguyen Ngoc Van Anh, Nguyen Thi Ngoc Tram**Tra Vinh University*

Background: Worldwide, studies evaluating the knowledge and practice of antibiotic use of pharmacy students have shown important limitations in the knowledge of pharmacy students that need to be improved. **Objectives:** To survey knowledge and practice of antibiotic use among pharmacy students at Tra Vinh University. 2. Identify factors related to students' knowledge and practice of antibiotic use. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional conducted on 365 Pharmacy students at Tra Vinh University by using pre-written online questionnaire on Google Forms. **Results:** The proportion of students with good knowledge of antibiotics was 50.1%. 5th-year students had better knowledge than students from years 1 to 4. A total of 137 students (37.5%) practiced good antibiotic use. Factors related to students' knowledge included the number of years of pharmacy study, whether or not they often used health insurance, and whether or not they treated chronic diseases. There was a relationship between knowledge and practice ($OR = 2.39$; $95\% CI: 1.54-3.70$; $p < 0.001$). **Conclusions:** The rate of students with good knowledge and practice using antibiotics is still relatively low. It is necessary to focus on training knowledge and practice in antibiotics for pharmacy students.

Keywords: Knowledge, practice, antibiotics, antibiotic use, pharmacy students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Việt Nam là một trong các quốc gia có tỷ lệ kháng sinh cao nhất toàn cầu [1]. Việc người dân tự ý sử dụng kháng sinh mà không thông qua chỉ định của bác sĩ và sử dụng không đúng cách đang trở thành vấn đề đáng báo động ở nước ta [2]. Chính điều này đã dẫn tới việc xuất hiện ngày một nhiều các chủng vi khuẩn kháng thuốc, đặc biệt là sự gia tăng thất bại điều trị ở các loại kháng sinh hiện có. Một nghiên cứu của trường Đại học Dược Hà Nội cho thấy Việt Nam có số lượng người bệnh sử dụng kháng sinh cao gấp 5 lần so với các nước ở Châu Âu [3]. Phần lớn kháng sinh được bán không theo đơn của bác sĩ chiếm đến 88% tại các nhà thuốc ở thành thị và 91% tại các nhà thuốc ở nông thôn [4]. Để giảm thiểu tình trạng kháng kháng sinh đang gia tăng, chúng ta cần ưu tiên tiếp cận đến nền giáo dục, đặc biệt là những sinh viên ngành Dược bởi họ là những dược sĩ tương lai góp phần quan trọng vào việc sử dụng kháng sinh hợp lý cho người dân. Hiện tại chưa có nghiên cứu nào thực hiện về kiến thức, thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh nói chung và sinh viên ngành Dược nói riêng. Do đó, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu khảo sát kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Dược tại Trường Đại học Trà Vinh và xác định các yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đang theo học ngành Dược thuộc hệ chính quy tại Trường Đại học Trà Vinh năm 2024.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên đang theo học ngành Dược thuộc hệ chính quy tại Trường Đại học Trà Vinh năm 2024, đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đối tượng trả lời không đầy đủ số câu hỏi trong bảng câu hỏi soạn sẵn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả.

- **Cỡ mẫu:** được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó:

p: tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về sử dụng kháng sinh và đề kháng kháng sinh dựa theo kết quả nghiên cứu “Kiến thức và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh của sinh viên hệ bác sĩ Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019” của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu [5]. Chọn p = 0,714. d: Sai số ước lượng (d= 0,05).

Thay các giá trị trên vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 314 sinh viên.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm mẫu nghiên cứu:

Phân A: Đặc điểm mẫu nghiên cứu, gồm: giới tính, sinh viên năm thứ mấy, nơi cư trú, nơi ở hiện tại khi theo học tại Trường Đại học Trà Vinh, có tham gia Bảo hiểm Y tế (BHYT) hay không, bệnh sinh viên hiện mắc.

Khảo sát kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Dược Trường Đại học Trà Vinh.

Phần B: Kiến thức, gồm 20 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, điểm cao nhất là 20 điểm. Sinh viên được đánh giá có kiến thức tốt khi trả lời đúng $\geq 70\%$ số câu hỏi.

Phần C: Thực hành, gồm 06 câu hỏi. Thực hành sử dụng kháng sinh được đánh giá là chưa tốt khi có bất kỳ hành vi nào sau đây: tự ý sử dụng kháng sinh (C1), dùng lại đơn thuốc cũ (C2), dùng lại kháng sinh thừa (C3), đưa kháng sinh cho người thân/bạn bè sử dụng (C4), dùng kháng sinh không theo chỉ định của bác sĩ (C5), không tuân thủ thời gian điều trị bằng kháng sinh do bác sĩ chỉ định (C6). Đánh giá là tốt khi chưa có tất cả hành vi trên.

+ Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh ở sinh viên ngành Dược Trường Đại học Trà Vinh

Khảo sát mối liên quan giữa đặc điểm mẫu nghiên cứu (gồm: giới tính, sinh viên năm thứ mấy, nơi cư trú, nơi ở hiện tại khi theo học tại Trường Đại học Trà Vinh, có bệnh mạn tính hay không) đến kiến thức và thực hành của sinh viên, mối liên quan giữa kiến thức và thực hành.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập số liệu thông qua Bộ câu hỏi soạn sẵn trên Google form. Cấu trúc Bộ câu hỏi bao gồm: (1) Đặc điểm chung, (2) Kiến thức về kháng sinh và đề kháng kháng sinh và (3) Thực hành về sử dụng kháng sinh.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Dữ liệu được nhập bằng Microsoft Excel 365 và phân tích bằng SPSS 26.

- **Thời gian thực hiện:** từ ngày 01/05/2024 – 31/06/2024.

- **Địa điểm nghiên cứu:** Trường Đại học Trà Vinh.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Trà Vinh. Số 111/GCT-HĐĐĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của sinh viên Dược (n = 365)

Đặc tính mẫu	Tần số	Tỷ lệ (%)	Đặc tính mẫu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính			Thường sử dụng BHYT		
- Nam	115	31,5	- Có	242	66,3
- Nữ	250	68,5	- Không	123	33,7
Sinh viên năm thứ			Nơi ở hiện tại khi học tại Trường Đại học Trà Vinh		
1	75	20,5	- Với gia đình	74	20,3
2	58	15,9	- Ở trọ một mình	71	19,5
3	69	18,9	- Ở trọ với bạn bè	150	41,1
4	92	25,5	- Ở ký túc xá	70	19,2
5	71	19,5			
Nơi cư trú			Bệnh mạn tính		
- Thành phố/đô thị	144	39,5	- Có	60	16,4
- Nông thôn	221	60,5	- Không	305	83,6

Nhận xét: Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu là nữ (68,5%), nơi cư trú là nông thôn (60,5%), ở trọ với bạn bè (41,1%), thường dùng BHYT (66,3%) và không có bệnh mạn tính (83,6%).

3.2. Kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Dược tại Trường Đại học Trà Vinh

Bảng 2. Kiến thức về kháng sinh và đề kháng kháng sinh (n = 365)

Kiến thức	Trả lời đúng			p
	Năm 1 – 4 (n=294)	Năm 5 (n=71)	Tổng	
B1. Lựa chọn kháng sinh dựa vào vị trí và mức độ nhiễm khuẩn	196 (66,7)	58 (81,7)	254 (69,6)	0,014
B2. Kháng sinh có thể dùng để giảm đau và hạ sốt (sai)	131 (44,6)	50 (70,4)	181 (49,6)	p<0,001
B3. Sử dụng kháng sinh trong cảm lạnh và cúm giúp khỏi nhanh hơn (sai)	143 (48,6)	39 (54,9)	182 (49,9)	0,341
B4. Dùng kháng sinh để phòng ngừa nhiễm khuẩn thông thường (sai)	131 (44,6)	45 (63,4)	176 (48,2)	0,004
B5. Phụ nữ có thai không dùng kháng sinh vì ảnh hưởng thai nhi (sai)	118 (40,1)	53 (74,7)	171 (46,8)	p<0,0001
B6. Sử dụng kháng sinh có thể gặp tác dụng phụ	251 (85,4)	68 (95,8)	319 (84,4)	0,018
B7. Dùng kháng sinh thường xuyên làm giảm tác dụng kháng sinh	224 (76,2)	57 (80,3)	281 (77,0)	0,462
B8. Kháng sinh đắt tiền luôn tốt hơn kháng sinh rẻ tiền (sai)	210 (71,4)	63 (88,7)	273 (74,8)	0,003
B9. Kháng sinh phổ rộng luôn tốt hơn kháng sinh phổ hẹp (sai)	171 (58,2)	54 (76,1)	225 (61,6)	0,005
B10. Phối hợp càng nhiều kháng sinh, hiệu quả càng cao (sai)	173 (58,9)	59 (83,1)	232 (63,6)	p<0,001
B11. Thời gian sử dụng kháng sinh	181 (61,6)	51 (71,8)	232 (63,6)	0,107
B12. Kháng sinh cần được kê bởi bác sĩ	237 (80,6)	64 (90,1)	301 (82,5)	0,058
B13. Đề kháng kháng sinh là một vấn đề nghiêm trọng	272 (92,5)	68 (95,7)	340 (93,2)	0,329
B14. Đề kháng kháng sinh là vi khuẩn không bị tiêu diệt bởi KS	114 (38,7)	42 (59,2)	156 (42,7)	0,002
B15. Nguyên nhân đề kháng kháng sinh	284 (96,6)	71 (100,0)	355 (97,3)	0,115
B16. Bỏ liều kháng sinh không gây đề kháng KS (sai)	184 (62,6)	60 (84,5)	244 (66,8)	p<0,0001
B17. Vi khuẩn kháng thuốc có thể truyền từ người sang người	77 (26,2)	19 (26,7)	96 (26,3)	0,922
B18. Lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi làm gia tăng đề kháng KS	193 (65,7)	52 (73,2)	245 (67,1)	0,222
B19. Hậu quả của việc tự ý sử dụng KS	273 (92,9)	68 (95,8)	341 (93,4)	0,373
B20. Giảm thiểu kháng KS bằng nuôi cấy vi khuẩn và thử độ nhạy	161 (54,8)	64 (90,1)	225 (61,6)	p<0,0001

Nhận xét: Trên 80% sinh viên biết rằng kháng sinh cần được kê bởi bác sĩ và khi sử dụng kháng sinh có thể gặp tác dụng phụ. Đặc biệt, các câu hỏi liên quan đến đề kháng sinh có tỷ lệ sinh viên trả lời đúng khá cao. Sinh viên năm thứ 5 có kiến thức tốt hơn so với sinh viên từ năm 1 đến năm 4 (71,8% so với 44,9%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,0001).

Bảng 3. Thực hành về sử dụng kháng sinh của sinh viên Dược (n = 365)

Thực hành	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)
C1. Tự ý sử dụng kháng sinh	242 (66,3)	123 (33,7)
C2. Dùng lại đơn thuốc cũ	290 (79,5)	75 (20,5)
C3. Dùng kháng sinh còn thừa	327 (89,6)	38 (10,4)
C4. Tự ý đưa kháng sinh cho người thân/bạn bè	326 (89,3)	39 (10,7)
C5. Dùng liều kháng sinh theo đúng chỉ định của bác sĩ	312 (85,5)	53 (14,5)
C6. Thời điểm ngưng sử dụng kháng sinh	245 (67,1)	120 (32,9)

Nhận xét: Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu đã thực hành sử dụng kháng sinh khá tốt, mỗi hành vi đều có tỷ lệ tốt trên 66%. Trong các hành vi chưa tốt khi sử dụng thì tự ý sử dụng và thời điểm ngưng thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất, 33,7% và 32,9%.

Bảng 4. Kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh (n = 365)

	Tốt		Chưa tốt	
	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Kiến thức	183	50,1	182	49,9
Thực hành	137	37,5	228	62,5

3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh (n = 365)

Đặc tính mẫu	Kiến thức		Thực hành		
	Điểm trung bình $\pm$ SD	p	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)	p
Giới tính					
Nam	12,97 $\pm$ 3,54	0,338	49 (42,6)	66 (57,4)	0,175
Nữ	13,35 $\pm$ 3,42		88 (35,2)	162 (64,8)	
SV năm thứ mấy					
Năm 1	10,52 $\pm$ 3,18	p<0,001	35 (49,3)	36 (50,7)	-
Năm 2	11,38 $\pm$ 3,07		33 (35,9)	59 (64,1)	0,086
Năm 3	14,48 $\pm$ 2,51		25 (36,2)	44 (63,8)	0,120
Năm 4	13,87 $\pm$ 2,14		21 (36,2)	37 (63,8)	0,137
Năm 5	15,56 $\pm$ 2,56		23 (30,7)	52 (69,3)	0,022
Nơi cư trú					
Thành phố/đô thị	12,95 $\pm$ 3,64	0,214	52 (36,1)	92 (63,9)	0,904
Nông thôn	13,41 $\pm$ 3,33		85 (38,5)	136 (61,5)	
Bệnh mãn tính					
Có	12,10 $\pm$ 3,60	p=0,005	16 (26,7)	44 (73,3)	0,060
Không	13,45 $\pm$ 3,39		121 (39,7)	184 (60,3)	

Nhận xét: Kết quả phân tích cho thấy Có/không bệnh mãn tính là yếu tố có liên quan đến kiến thức. Sinh viên năm thứ mấy có liên quan đến kiến thức và thực hành, sinh viên dược năm 5 thực hành sử dụng kháng sinh tốt hơn so với sinh viên năm 1. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

Bảng 6. Liên quan giữa kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh (n = 365)

	Thực hành tốt n (%)	Thực hành chưa tốt n (%)	OR (95% CI)	p
Kiến thức tốt	87 (47,5)	96 (52,5)	2,39 (1,54– 3,70)	p< 0,001
Kiến thức chưa tốt	50 (27,5)	132 (72,5)		

Nhận xét: Kiến thức có liên quan đến việc sử dụng kháng sinh, có sự khác biệt giữa sinh viên có kiến thức tốt và chưa tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

Tỷ lệ sinh viên đồng ý tham gia có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ, phần lớn chủ yếu là sinh viên nữ (nữ 68,5%; nam 31,5%). Tỷ lệ này tương đương với nghiên cứu của Nguyễn Thị Cần tại Trường Đại học Y khoa Vinh vào năm 2022 (nam 33,3%; nữ: 66,7%) [1]. Điều này là hoàn toàn phù hợp với phân bố nhân lực trong ngành Dược, nữ giới thường chiếm số lượng nhiều hơn nam giới. Khoảng 2/3 số sinh viên khảo sát ở vùng nông thôn (60,5%), còn lại 1/3 ở thành phố/đô thị (39,5%). Điều này là phù hợp vì nghiên cứu được thực hiện ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi tập trung của nhiều vùng nông thôn nhiều hơn so với thành phố/đô thị. Sinh viên được khảo sát về nơi cư trú và nơi ở khi theo học tại Trường Đại học Trà Vinh để từ đó có thể quan sát được ảnh hưởng của sự tác động bởi con người và môi trường sống xung quanh đến việc sử dụng thuốc của sinh viên. Việc sinh viên thường dùng BHYT chiếm tỷ lệ cao vì tất cả sinh viên trường đều được đăng ký khám ban đầu tại Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh. Việc sử dụng BHYT giúp làm giảm tỷ lệ tự sử dụng kháng sinh để điều trị bệnh, vì kháng sinh được kê bởi bác sĩ nên sinh viên sẽ nhận được sự tư vấn và hướng dẫn dùng thuốc hiệu quả và an toàn. Trong số các bệnh mãn tính mà sinh viên thường mắc thì các bệnh về da liễu chiếm tỷ lệ nhiều nhất (7,7%); đứng thứ 2 là bệnh viêm mũi dị ứng/viêm xoang với tỷ lệ 7,1%. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Võ Thảo Nguyên thực hiện tại Trường Đại học Tây Đô năm 2017 [3].

4.2. Kiến thức về kháng sinh và các yếu tố liên quan

Sinh viên đã khảo sát có điểm trung bình kiến thức về kháng sinh là 13,2/20 điểm (đạt 66% mức điểm tối đa), tương đương với kết quả nghiên cứu của La Thị Huỳnh Liên (2022) với sinh viên dược năm cuối tại Trường Đại học Đại Nam (12,2/20 điểm) [6]. Sinh viên năm 5 là những người có điểm trung bình kiến thức cao nhất ($15,56 \pm 2,56$), có sự khác biệt giữa điểm trung bình kiến thức về kháng sinh và số năm học dược của sinh viên. Thời gian học càng lâu, sinh viên càng trả lời đúng nhiều câu hỏi. Điều này là hợp lý vì từ năm 3 trở đi, sinh viên đã được học rất kỹ về kháng sinh thông qua các môn liên quan đến điều trị như Dược lý, Dược lâm sàng, Sử dụng thuốc trong điều trị,... và sinh viên năm 5 là những người đã được đi thực tập lâm sàng, được tiếp xúc trực tiếp với thuốc, với bệnh nhân nên kiến thức và kinh nghiệm sẽ nhiều hơn sinh viên các năm còn lại. Qua đó cho thấy giáo dục đại học có thể nâng cao kiến thức về kháng sinh và đề kháng kháng sinh. Tuy nhiên sinh viên ở cả 2 nhóm vẫn còn những lỗ hổng kiến thức về kháng sinh cần được cải thiện, vẫn còn nhiều sinh viên hiểu sai về tác dụng của kháng sinh.

4.3. Thực hành sử dụng kháng sinh và các yếu tố liên quan

Có 33,7% sinh viên tự ý sử dụng kháng sinh trong 12 tháng qua, thấp hơn so với nghiên cứu trên sinh viên năm cuối ngành Dược tại Đại học Dược Hà Nội là 60,9% và nghiên cứu tại Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2022 là 48,1% nhưng lại cao hơn các nghiên cứu ở ngoài nước như nghiên cứu trên sinh viên dược ở Sri Lanka (23%) [7], nghiên cứu ở sinh viên dược Indonesia (26%) [8]. Qua đó cho thấy việc thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên dược Trường Đại học Trà Vinh khá tốt. Có 20,5% sinh viên dùng lại đơn thuốc cũ dù chưa đến thăm khám bác sĩ, 10,4% sinh viên sử dụng lại kháng sinh còn thừa, 10,7% sinh viên đưa kháng sinh còn sót lại cho bạn bè hoặc người thân nếu cũng bị bệnh tương tự. Điều này khá

nguy hiểm vì người bệnh không được tự ý sử dụng kháng sinh, thuốc có thể bị hư hỏng do điều kiện bảo quản không tốt hoặc đã quá hạn sử dụng. Đa số sinh viên (85,5%) dùng liều thuốc đúng theo đơn của bác sĩ, nhưng tỷ lệ sinh viên tự ý ngưng kháng sinh khi thấy bệnh đã giảm hoặc hết các triệu chứng thông thường khá cao 32,9%. Việc dùng kháng sinh không đủ thời gian cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến đề kháng kháng sinh. Trong số 123 sinh viên tự ý sử dụng kháng sinh, các nguyên nhân phổ biến là cảm cúm, ho, sốt, dị ứng và đau đầu. Nghiên cứu tại Trường Đại học Dược Hà Nội cũng cho kết quả cảm cúm, cảm lạnh và ho là các triệu chứng phổ biến nhất khiến sinh viên tự ý sử dụng kháng sinh nhiều nhất. Đáng chú ý, chỉ có 1,6% sinh viên trả lời đúng trường hợp chính xác cần sử dụng kháng sinh. Qua đó cho thấy vẫn còn nhiều sinh viên chưa xác định được rõ bệnh của mình có phù hợp với loại thuốc đang sử dụng hay không. Tỷ lệ này báo động tình trạng sử dụng thuốc kháng sinh bừa bãi trong cộng đồng, dẫn đến tình trạng gia tăng kháng kháng sinh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có kiến thức tốt sẽ thực hành đúng hơn so với sinh viên có kiến thức chưa tốt (47,5% so với 27,5%). Qua đó cho thấy sinh viên nếu được trang bị kiến thức đầy đủ về kháng sinh sẽ là nền tảng vững chắc cho thực hành sử dụng thuốc hợp lý.

V. KẾT LUẬN

Hơn một nửa số sinh viên có kiến thức tốt (50,1%) và 1/3 số sinh viên thực hành sử dụng tốt (37,5%). Tỷ lệ sinh viên tự ý sử dụng kháng sinh trong 12 tháng qua là 33,7%. Có/không bệnh mãn tính là yếu tố có liên quan đến kiến thức. Sinh viên năm thứ mấy có liên quan đến kiến thức và thực hành. Kiến thức có ảnh hưởng đến việc sử dụng kháng sinh của sinh viên, sinh viên có kiến thức tốt sẽ thực hành đúng hơn so với sinh viên có kiến thức chưa tốt. Cần xem xét việc đào tạo kiến thức về sử dụng kháng sinh, đồng thời nâng cao nhận thức của sinh viên Dược tại Trường Đại học Trà Vinh nhằm giúp sinh viên thực hành sử dụng thuốc hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Cần, Nguyễn Thị Thuý Ngân. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về tự ý sử dụng kháng sinh của sinh viên Đại học Y khoa Vinh. *Tạp chí Y học*. 2023. 531(1), 121-126, <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i1.6932>.
 2. Đặng Ngọc Nhi. Khảo sát sự hiểu biết và thói quen sử dụng kháng sinh của người dân tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Khóa luận tốt nghiệp Đại học. Trường Đại học Tây Đô. 2018.
 3. Võ Thảo Nguyên. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về tự ý sử dụng kháng sinh của sinh viên Trường Đại học Tây Đô. Khóa luận tốt nghiệp Đại học. Trường Đại học Tây Đô. 2017.
 4. Nguyễn Văn Kính. Phân tích thực trạng: Sử dụng kháng sinh và đề kháng kháng sinh ở Việt Nam. Nhóm nghiên cứu quốc gia của GARP Việt Nam. 2010.
 5. Nguyễn Thị Hoài Thu. Kiến thức và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh của sinh viên hệ bác sỹ Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2020. 129(5), 156–163.
 6. Lã Thị Huỳnh Liên, Trần Thị Dung, Nguyễn Hà Trang, Đặng Khánh Long. Phân tích kiến thức và thái độ về kháng sinh của sinh viên Dược năm cuối một trường đào tạo ngoài công lập. *Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc*. 2023. 14(1), 10-18.
 7. Sakeena, M.H.F., Bennett, A.A., Jamshed, S. *et al.* Investigating knowledge regarding antibiotics and antimicrobial resistance among pharmacy students in Sri Lankan universities. *BMC infectious diseases*. 2018. 209(18), 1-11, <https://doi.org/10.1186/s12879-018-3107-8>.
 8. Zaykova, K., Nikolova, S., Pancheva, R., & Serbezova, A. A survey of knowledge, attitudes and use of antibiotics among Bulgaria population. *Biotechnology & Biotechnological Equipment*. 2022. 36(1), 933–941, <https://doi.org/10.1080/13102818.2022.2145237>.
-